

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HÌNH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14/4/2022
“V/v Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Tấn Lãnh và bà Trần Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mạ - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND)
huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Kim Minh - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên. TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14/01/2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/3/2022 của TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1968;

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên. Ông Th có mặt, bà V vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn Th (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Bích V (viết tắt là bị đơn) tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 1991 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên. Tuy nhiên, thời gian qua do nhà bị ngập lụt nên đã thất lạc giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Lúc đầu, nguyên đơn và bị đơn sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì bị đơn bỏ nhà đi không liên lạc gì cho chồng con biết. Đến năm 2021 bị đơn quay về nhưng không muốn tiếp tục sống chung với nguyên đơn nên vợ chồng không còn tình cảm, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn. Về con chung: Có 03 con chung: Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1993, Nguyễn Văn Th2, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 2001. Các con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu

cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung. Từ năm 2013 do bận đi làm thuê nên vợ chồng không sống chung, không còn tình cảm gì với nhau. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn đề nghị Tòa xem xét.

TAND huyện Sông Hình tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất đoàn tụ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, con chung, tài sản chung; bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Sông Hình phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa và phiên tòa diễn ra đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng. Về con chung, tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ là ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên, theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn, bị đơn cho rằng hai bên tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào năm 1991 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên. Tuy nhiên, các bên không xuất trình được chứng cứ chứng minh về việc có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ngoài ra, tại đơn xin xác nhận về việc mất giấy đăng ký kết hôn của nguyên đơn được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận không có tên trường hợp ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Bích V đăng ký trong sổ bộ. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình không công nhận quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn là quan hệ vợ chồng.

[4] Về con chung: Có 03 con chung: Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1993, Nguyễn Văn Th2, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 2001. Các

con đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Bích V là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0001091 ngày 14/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ((mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hình;
- CCTHADS huyện Sông Hình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

BÀN THỊ TIÊN

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ ÁI LIÊN

BÙI CHÂU KHA

HUỲNH THỊ THU SƯƠNG